VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số… /QĐ-ĐHM ngày ……/…./2018 của Viện ĐH Mở Hà Nội)

STT	TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NIÊN KHÓA	HỌC BỔNG LOẠI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	1	Đào Thị Thủy	12/20/1996	K23 KT	2014 - 2018	***Giỏi***	**4,070,000**	
2	2	Nguyễn Thu Huyền	11/8/1996	K23 KT	2014 - 2018	***Giỏi***	**4,070,000**	
3	3	Đinh Thị Mai	8/23/1996	K23 KT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
4	4	Phạm Thị Huyền	10/5/1995	K23 KT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
5	5	Đinh Thị Huệ	11/20/1995	K23 KT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
6	6	Phan Thị Hiên	7/17/1995	K23 KT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
7	1	Trần Thị Kiều Oanh	9/4/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Giỏi***	**4,070,000**	
8	2	Đỗ Xuân Anh	04/05/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Giỏi***	**4,070,000**	
9	3	Lê Hà Phụng Anh	9/5/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Giỏi***	**4,070,000**	
10	4	Ngô Thị Lan	4/30/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Giỏi***	**4,070,000**	
11	5	Vũ Thị Thùy Linh	10/31/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
12	6	Nguyễn Thị Quỳnh	6/30/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
13	7	Nguyễn Tiến Hoàng Long	05/08/1996	K23 QT	2014 - 2018	***Khá***	**3,700,000**	
14	1	Nguyễn Hà Anh	9/7/1997	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**4,070,000**	
15	2	Nguyễn Thị Minh Phương	2/23/1997	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
16	3	Nguyễn Thị Huế	8/8/1997	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
17	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3/24/1997	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
18	5	Phạm Thị Vân Anh	8/7/1997	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
19	6	Nguyễn Thị Ngọc	6/15/1997	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
20	7	Vũ Kim Ngân	3/5/1996	K24 KT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
21	1	Đinh Thị Minh Anh	2/26/1997	K24 KT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
22	1	Nguyễn Thị Chinh	12/9/1997	K24 QT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
23	2	Nguyễn Diệu Linh	9/15/1997	K24 QT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
24	3	Lê Hà Linh Phương	1/11/1994	K24 QT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
25	4	Nguyễn Công Hoàng	6/30/1997	K24 QT1	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
26	1	Vũ Thị Phương	9/20/1997	K24 QT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
27	2	Nguyễn Đăng Khoa	12/9/1997	K24 QT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
28	3	Nguyễn Thị Hà Trang	3/30/1996	K24 QT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
29	4	Trần Thị Hồng Nhung	5/11/1997	K24 QT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
30	5	Nguyễn Tuấn Huy	3/20/1997	K24 QT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	
31	6	Nguyễn Thị Thu Hà	12/7/1997	K24 QT2	2015 - 2019	***Khá***	**3,700,000**	

STT	TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NIÊN KHÓA	HỌC BỔNG LOẠI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
32	1	Dương Thị Kim Oanh	9/9/1998	K25 KT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
33	2	Bùi Thị Huyền Trang	8/23/1998	K25 KT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
34	3	Đặng Thị Mai	5/5/1998	K25 KT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
35	4	Dương Thảo Nguyên	8/29/1998	K25 KT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
36	1	Dương Quỳnh Chi	8/21/1998	K25 KT2	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
37	2	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2/17/1998	K25 KT2	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
38	3	Trần Ngọc Linh	3/8/1998	K25 KT2	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
39	4	Lê Thị Ngọc	6/25/1998	K25 KT2	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
40	1	Nguyễn Thùy Dung	6/2/1998	K25 QT1	2016 - 2020	***Giỏi***	**4,070,000**	
41	2	Nguyễn Thu Hương	11/15/1998	K25 QT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
42	3	Lê Thị Thu Hiền	9/20/1998	K25 QT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
43	4	Nguyễn Thị Hương Liên	3/8/1998	K25 QT1	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
44	1	Nguyễn Bích Diệp	2/10/1998	K25 QT2	2016 - 2020	***Khá***	**3,700,000**	
45	1	Vũ Thị Hậu	3/8/1999	K26 KT	2017 - 2021	***Khá***	**5,150,000**	
46	2	Triệu Phạm Hải Đăng	8/25/1999	K26 KT	2017 - 2021	***Khá***	**5,150,000**	
47	3	Vũ Đức Anh	1/14/1999	K26 KT	2017 - 2021	***Khá***	**5,150,000**	
48	4	Hoàng Thị Vân	4/30/1999	K26 KT	2017 - 2021	***Khá***	**5,150,000**	
49	1	Dương Quỳnh Mai	5/22/1999	K26 QT	2017 - 2021	***Giỏi***	**5,665,000**	
50	2	Nguyễn Trà My	11/16/1999	K26 QT	2017 - 2021	***Giỏi***	**5,665,000**	
51	3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1/6/1999	K26 QT	2017 - 2021	***Giỏi***	**5,665,000**	
52	4	Tạ Văn Linh	12/23/1998	K26 QT	2017 - 2021	***Giỏi***	**5,665,000**	
53	5	Nguyễn Tuấn Anh	12/27/1997	K26 QT	2017 - 2021	***Khá***	**5,150,000**	
54	6	Trịnh Ngọc Mai	4/13/1999	K26 QT	2017 - 2021	***Khá***	**5,150,000**	
		Tổng cộng :					**219,320,000**	

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Người lập biểu **KHOA KINH TẾ** **VIỆN TRƯỞNG**